

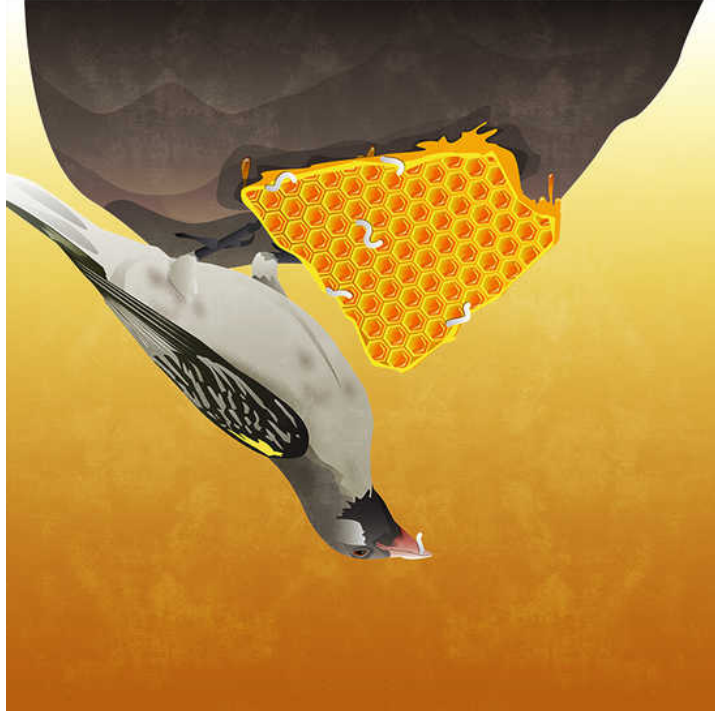
|| nivå 4

vietaamesisk / bokmal

Phuong Nguyen

Wiehan de Jager

Zulu folktales



Sư trã thũ của chim sãn măt /
Honningguidens hevn

Barnebøker for Norge

barnebokker.no

Sư trã thũ của chim sãn măt /

Honningguidens hevn

Skrivet av: Zulu folktales

Illustrert av: Wiehan de Jager

Oversatt av: Phuong Nguyen (vi), Espen Stranger-

Johannessen (nb)

Denne fortellingen kommer fra African Storybook (africanstorybook.org) og er videreformidlet av Barnebøker for Norge (barnebokker.no), som tilbyr barnebøker på mange språk som snakkes i Norge.

Dette verket er lisensiert under en Creative Commons

[Navngivelse 3.0 Internasjonal Lisens.](https://creativecommons.org/licenses/by/3.0/deed.no)

<https://creativecommons.org/licenses/by/3.0/deed.no>



Đây là câu chuyện về Ngede, chim săn mồi, và một người thanh niên tham lam tên Gingile. Một ngày nọ, khi Gingile đi săn, anh ấy nghe tiếng gọi của Ngede. Miệng của Gingile bắt đầu chảy nước rãi khi nghĩ tới mồi ong. Anh bèn dừng lại và lắng nghe cẩn thận, rồi tìm cho đến khi anh thấy chim trên những cành cây trên đầu mình. Chim kêu: “Chitik-chitik-chitik” khi nó bay từ cành này sang cành khác. Nó kêu: “Chitik-chitik-chitik” và thỉnh thoảng dừng lại để chắc rằng Gingile đi theo mình.

...

Dette er historien om Ngede, honningguiden, og en grådig ung mann ved navn Gingile. En dag mens Gingile var ute på jakt, kalte Ngede på ham. Gingile fikk vann i munnen ved tanken på honning. Han stoppet og lyttet oppmerksomt, og lette til han så fuglen i grenene over hodet sitt. “Tsjitikk, tsjitikk, tsjitikk”, kvitret den lille fuglen idet den fløy til det neste treet, og det neste. “Tsjitikk, tsjitikk, tsjitikk”, kallet han, og stoppet innimellom for å forsikre seg om at Gingile fulgte etter.



Sau nửa giờ, hò tới một cây sung dài to. Ngede nhảy từ
cành cây này sang cành cây khác liên tục. Sau đó, nó đậu
trên một cành cây và nghiêng đầu nhìn Gingile như thể
đề nghị: "Chỗ này này! Đến đây ngay! Anh làm gì mà
lâu thế?" Gingile không thấy ong ở dưới cây, nhưng anh
tin tưởng vào Ngede.

...

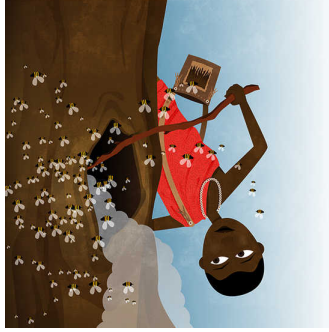
Efter en halvtime nådde de et stort vilt fikentre. Ngede
hoppet rundt som en gal blant grenene. Han slo seg ned
på en gren og strakk hodet mot Gingile som om han sa:
"Her er det! Kom nå! Hvorfor bruker du så lang tid?"
Gingile kunne ikke se noen bier fra under treet, men han
stolte på Ngede.



Thế là Gingile để cây giáo đi sấn dưới cây, gom vài cành cây khô và nhóm một đống lửa nhỏ. Khi lửa đã cháy mạnh, anh đặt một cây khô dài vào giữa đống lửa. Loại gỗ này đặc biệt nổi tiếng là tạo ra rất nhiều khói khi cháy. Anh bắt đầu leo lên cây, miệng ngậm đầu nguội của cái cây đang bốc khói.

...

Så Gingile la spydet sitt ned under treet og samlet noen tørre kvister og tente et lite bål. Da ilden brant godt, stakk han en lang, tørr kjepp inn i hjertet av bålet. Denne veden var kjent for å lage mye røyk mens den brant. Han begynte å klatre mens han holdt den kjølige enden av kjeppen mellom tennene.



Chàng mậy chốc, anh nghe tiếng bay vù vù rất lớn của đàn ong. Chúng bay ra, bay vào từ cái lỗ trống trên thân cây, nơi cũng là tổ của chúng. Khi Gingile leo tới tổ ong, anh bèn để cái đầu cây dang béc khoi vào lỗ trống đó. Dần ong bay ra và rất gần đó. Chúng bay đi vì chúng không thích khoi, nhưng chỉ bay đi sau khi chúng đốt cho Gingile vài mui dau điếng!

...

Snart kunne han høre summingen til de travle biene. De kom inn og ut av et hulrom i trestammen – bolet deres. Da Gingile nådde bolet, dyttet han den rykende enden inn i hulrommet. Biene for ut, sinte og klare til angrep. De fløy bort siden de ikke likte røyken – men ikke før de hadde gitt Gingile noen smertefulle stikk!



Và vì thế, khi trẻ con vùng Gingile nghe câu chuyện về Ngede, các em rất tôn trọng con chim bé nhỏ này. Bât kể khi nào lấy mât, các em đều bảo đảm mình để lại miếng tổ ong to nhất cho chim săn mât!

...

Og på den måten, når barna til Gingile hører fortellingen om Ngede, respekterer de den lille fuglen. Hver gang de sanker honning sørger de for å gi den største delen av voksaka til honningguiden!



Khi ong đã bay đi rồi, Gingile thò tay vào tổ ong. Anh lấy một nắm tay tổ ong nhỏ đầy mật vàng và những ấu trùng ong trắng béo. Anh cẩn thận đặt tổ ong vào cái túi mang theo trên vai và bắt đầu leo xuống.

...

Da biene var ute, stakk Gingile hånden sin inn i bolet. Han tok ut håndfuller med tunge vokskaker som dryppet av deilig honning og var fulle av feite, hvite larver. Han la vokskakene forsiktig i veska han bar på skulderen og begynte å klatre ned fra treet.



Trước khi Báo có thể vồ được Gingile, anh ta đã trèo vội xuống. Trong lúc vội vã, anh ta bước trượt qua một cành cây, rơi thịch xuống đất và bị trẹo mắt cá. Anh ta nhảy cò cò đi nhanh hết sức mình. May cho anh ta là Báo vẫn còn buồn ngủ nên không đuổi theo. Chim săn mật Ngede đã trả thù thành công. Và Gingile học được một bài học.

...

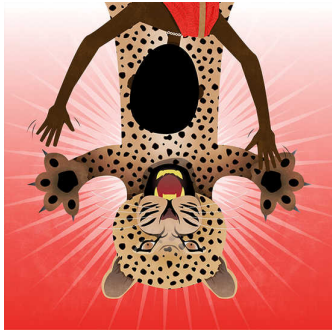
Før Leopard kunne svinge labben etter Gingile, skyndte han seg ned fra treet. I hastverket bommet han på en gren og landet med et høyt brak på bakken og forstuet ankelen. Han hinket videre så fort han kunne. Heldigvis for ham var Leopard fortsatt for søvning til å jage ham. Ngede, honningguiden, hadde fått sin hevn. Og Gingile hadde fått seg en lærepenge.



Ngede phàn khởi quan sát tất cả mọi điều mà Gingile làm. Nó đang chờ Gingile để lại cho nó một miếng tò ong to như là một lời cảm ơn tới chim săn mât. Ngede nhảy nhót từ cành này sang cành khác, càng lúc càng bay gần tới mât đất. Cuối cùng, Gingile cũng tới gốc cây. Ngede dẫu trên môt hòn đá gần Gingile và chờ phàn thưởng của mình.

...

Ngede så ivrig på alt Gingile gjorde. Han ventet på at han skulle legge igjen en tjukk voksakake som en takkegave til honningguiden. Ngede svinset fra gren til gren, nærmere og nærmere bakken. Til slutt nådde Gingile foten av treet. Ngede satt på en stein nær gutten og ventet på belønningen sin.



Gingile leo lên, tự hỏi vì sao mình không nghe tiếng bay vù vù của ong như bình thường. Anh tự nghĩ rằng: "Có thể tò ong nằm sau không cái cây này." Anh leo lên môt cành nữa. Nhưng thay vì tò ong, anh ta lại nhìn vào mât của môt con báo! Báo rất giận dữ vì giặc ngu của mình bị người khác làm gián đoạn môt cách thô lỗ như vậy. Nó nhìn mât lại, há mồm ra để lộ những chiếc răng rất to và rất nhọn.

...

Gingile klatret, men lurte på hvorfor han ikke hørte den sedvanlige summingen. "Kanskje bolet er dypt inne i treet", tenkte han for seg selv. Han dro seg opp etter en annen gren. Men i stedet for bolet, stirret han inn i øynene til en leopard! Leopard var veldig sint fordi søvnen hennes ble så brått avbrutt. Hun knep igjen øynene og åpnet munnen for å vise de veldig lange og skarpe tennene sine.



Nhưng Gingile dập tắt lửa, cầm ngọn giáo lên và bắt đầu đi về nhà, không quan tâm gì đến chim cả. Ngede kêu lên một cách tức giận: “VIC-torr! VIC-torr!” Gingile dừng lại, nhìn chằm chằm vào con chim nhỏ và cười to: “Này anh bạn, anh cũng muốn có một ít mật đúng không? Ha! Nhưng tôi làm tất cả mọi việc và bị ong đốt. Tại sao tôi lại phải chia phần mật ngon này với anh?” Sau đó, anh ta bỏ đi. Ngede vô cùng tức tối! Đây không thể nào là cách người ta đối xử với nó được! Nhưng nó sẽ trả thù.

...

Men Gingile slukket bålet, plukket opp spydet, begynte å gå hjem og overså fuglen. Ngede ropte sint: “SEI-er, SEI-er!” Gingile stoppet og stirret på den lille fuglen og lo høyt. “Du vil ha litt honning, du, lille venn? Ha! Men jeg gjorde alt arbeidet og fikk alle stikkene. Hvorfor skulle jeg dele noe av denne deilige honningen med deg?” Ngede var rasende! Dette var da ingen måte å behandle ham på! Men han skulle få sin hevn.



Một ngày nọ vài tuần sau đó, Gingile lại nghe tiếng kêu của Ngede. Anh ta nhớ tới mật ong ngon ngày nào, và lại hồ hởi đi theo chim. Sau khi dẫn Gingile đi dọc theo bờ rừng, Ngede dừng lại và đậu trên một cây keo to. Gingile nghĩ rằng: “À, tổ ong nhất định là ở trên cây này rồi.” Anh ta nhanh chóng nhóm một đống lửa nhỏ và bắt đầu trèo lên, miệng ngậm một cành cây đang bốc khói. Ngede đậu và quan sát.

...

En dag flere uker senere hørte Gingile igjen kallet fra Ngede. Han husket den deilige honningen og fulgte ivrig etter fuglen nok en gang. Etter at den hadde ledet Gingile langs skogkanten, stoppet den for å hvile i et stort akasietre. “Å”, tenkte Gingile. “Bolet må være i dette treet.” Han tente raskt det lille bålet sitt og begynte å klatre med den rykende grenen mellom tennene. Ngede satt og ventet.